

SỐ 651

KINH CÁC PHÁP VỐN KHÔNG

(KINH CHƯ PHÁP BẢN VÔ)

*Hán dịch: Đời Tùy, Tam tạng Pháp sư Xà-na-quật-đa,
người xứ Thiên Trúc.*

QUYỂN THƯỢNG

Đức Thế Tôn cùng năm trăm đại Tỳ-kheo, chín vạn hai ngàn Bồ-tát, đi đến núi Thấu tụ trong thành Vương xá. Chín vạn hai ngàn Bồ-tát đây đều là những bậc đứng đầu, như Đại Bồ-tát Trang Nghiêm Oánh Sức, Đại Bồ-tát Sư Tử Du Bộ, Đại Bồ-tát Vô Ngại Diễm Tịnh Quang Đức Oai Vương, Đại Bồ-tát Mê Lưu Sơn Đảnh Âm Vương, Đại Bồ-tát Ái Tiểu Vô Cấu Quang, Đại Bồ-tát Xuất Quang Tế Nhật Nguyệt Quang, Đại Bồ-tát Tối Thắng Vô Cấu Trì Quan, Đại Bồ-tát Xuất Oai Liên Hoa Khai Thân, Đại Bồ-tát Phạm Tự Tại Âm, Đại Bồ-tát Tượng Hý Sư Tử Vương Ý, Đại Bồ-tát Kim Quang Tịnh Vô Cấu Oai, Đại Bồ-tát Nhu Nhuyễn Xúc Thân, Đại Bồ-tát Kim Trang Nghiêm Tướng Khai Thân, Đại Bồ-tát Bách Quang Hưu Ma La Lực, Đại Bồ-tát Tịch Căn Oai Nghi Tịch Hạnh, Đại Bồ-tát Địa Tối Thượng Vương, Đại Bồ-tát Thiên Ngôn Từ Minh Âm, Đại Bồ-tát Pháp Lực Tự Tại Tịch Tĩnh Du Hành, Đại Bồ-tát Đức Oai Vô Cấu Thân, Đại Bồ-tát Mạn-thù-thi-lợi.

Khi ấy, thấy các vị Bồ-tát đã nhóm họp, Đại Bồ-tát Sư Tử Du Bộ, liền đứng dậy, sửa sang lại y phục, một vai mang y Úc-đa-la-tăng-già, gối phải chạm đất, hướng về Phật, chấp tay dùng ca tụng

mà hỏi Phật về nghĩa lý:

Không ngã, không mạng, không pháp dục
 Vô biên danh xưng, vì ta nói?
 Vững lặng rất lặng thường lặng yên
 Như vậy chúng đây rất thù thắng.
 Chư kiến thế nào là Bồ-đề
 Kiêu mạn, sân giận và ganh ghét
 Dục thể thế nào là Bồ-đề
 Vì đạo sư nói, vô biên xưng.
 Nếu không Niết-bàn, không phiền não
 Hành giới thế nào là Bồ-đề?
 Thể ấy không hai, Phật cũng vậy
 Người vì con diển nói đại Bi.
 Chư pháp thế nào: Thoát rốt ráo?
 Niết-bàn, tướng tự như giải thoát.
 Thế nào mà lại như hư không?
 Không ngại, không đấm, không vướng mắc.
 Âm: Ca-lăng-tần-già, Phạm thiên
 Sắc: Vô cấu quang, Minh kim quang
 Âm thanh tịnh quang, vô biên đức
 Đang vì nói pháp, không trần hết.
 Thế nào chư cái... như Bồ-đề?
 Thế nào: Dục là thể Bồ-đề?
 Pháp chẳng pháp, đạo sao là một
 Vô cấu, thanh tịnh... Bằng, hư không
 Nếu không hữu số, không vô số
 Pháp đã diệt độ, sao là vậy?
 Bồ-đề nếu không, không gì đấm
 Tại sao biến trí cũng lại không?
 Là làm, chẳng làm, không tranh cãi
 Thủ cùng không thủ đều không thể
 Ở trong chúng sinh chưa từng có
 Trong pháp chướng ngại cũng lại không.
 Bên trong không giới, lại không nhãn
 Pháp giới cũng lại không chỗ nào

Định cùng với không hai vậy.
Không trí và trí, không chỗ được.
Vì sao pháp này sạch, không như
Mà không chỗ có như: Hư không...
Vào một lúc, tâm không nơi đắc
Không tâm, vì sao mà là pháp?
Bên trong tri kiến không chỗ có
Không có niệm tu, cũng không chứng
Bên trong cũng lại không chỗ đoạn
Chúng sinh vì sao đồng cội không?
Bên trong pháp thể là một hạnh
Bên trong không sinh cũng không chuyển
Pháp khởi và sinh, không chỗ có
Các pháp như vậy, Thắng nhân nói.
Bên trong không học, không La-hán
Duyên giác cũng lại không chỗ có
Nếu cầu Bồ-đề, không thể được
Pháp này không tới, cũng không lui
Bên trong không trụ cũng không xứ
Cũng không có qua cũng không lại
Pháp không tới lui, lại là sao?
Như núi Tu-di trụ không động.
Bên trong không tướng cũng không sắc
Thể sắc vì sao là Bồ-đề?
Sắc và Bồ-đề không phải hai
Thể pháp như vậy, Thắng nhân nói.
Bên trong không rỗng, không không tướng
Không có dính mắc, không không đắm
Danh với không danh, pháp thể nào?
Nói đạo như tiếng vang giữa núi.
Bên trong không sinh, không phiền toái
Bên trong cũng lại không không sinh
Có không đã diệt, cũng không ngăn
Các pháp vì sao là một hành?
Bên trong không Trời cũng không Rỗng

*Không Khẩn-na-la, cả Dạ-xoa...
 Bên trong địa ngục không chỗ có
 Không có xứ sở và chúng sinh,
 Nếu Đạo sư nói pháp Tối thắng
 Nếu các ngoại đạo nói ác ý
 Cả hai sao gọi là một hành
 Các chữ như thế đều nhập một.*

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen ngợi Đại Bồ-tát Sư Tử Du Bộ:

–Tốt lắm, thật tốt thay! Hiếm có người như ông! Đối với những điều ông hỏi, hiện nay, cả đến các đời, không thể tin thọ, hàng chư Thiên nhiều đời, chìm đắm trong mê hoặc.

Thiện gia tử! Nay ông chớ nên hỏi nhân duyên này.

Thiện gia tử! Hàng Bồ-tát sơ nghiệp đối với phi địa này thì gọi là Bồ-tát Không kiến, Vô tướng kiến, Vô nguyện kiến, Vô sinh kiến, Vô hữu kiến, Vô tướng mạo kiến, Niết-bàn kiến, Phật-đà kiến, Bồ-đề kiến.

Thiện gia tử! Trước hàng Bồ-tát sơ nghiệp không nên nói pháp này. Vì sao? Vì rất có thể xảy ra các căn lành bị cắt đứt, đối với Bồ-đề Phật thì hành phi đạo, nếu rơi vào đoạn - thường, thì không biết được, vì ý nghĩa gì mà Như Lai nói pháp này.

Nghe Phật nói như vậy, Đại Bồ-tát Sư Tử Du Bộ lại bạch Phật:

–Nói về Đức Thế Tôn, nói về Bạch Thiện Thế. Bạch Thế Tôn! Nếu có hàng Đại Bồ-tát, ở đời sau, như Bồ-tát: Không kiến, vô tướng kiến, Vô nguyện kiến, Vô sinh kiến, Vô hữu kiến, Vô tướng mạo kiến, Niết-bàn kiến, Phật-đà kiến, Bồ-đề kiến; đối với không, vô tướng cho là cảnh giới, dính mắc nơi ngôn thuyết, cho chữ nghĩa là trong sạch; nói đạo là hơn hết; coi trọng việc danh lợi. Họ nghe Như Lai nói pháp không tên gọi này rồi, liền xả bỏ các kiến, liền biết các pháp là đạo một tướng, tin chúng sinh như tin pháp được nói; trong phương tiện khéo léo, họ cần phải khéo học. Tuy nói ít ham muốn, biết đủ, giảm thiểu, nhưng đều không tin là sạch; tuy nói những lỗi lầm trong chúng, nhưng tin các pháp xa lìa; tuy khen ngợi nói chỉ là một, không xen tạp, nhưng cũng không tin là trong sạch; tuy khen ngợi việc phát tâm Bồ-đề, nhưng cũng biết tâm tự tánh là Bồ-đề; tuy khen ngợi việc rộng nói Khế kinh, nhưng tin các pháp là rộng; tuy

khen ngợi Bồ-tát, nhưng tin các hàng Thanh văn, Độc giác và Phật, không có sự khác biệt; tuy khen ngợi Tĩnh lự nhưng khéo thông đạt sự bình đẳng của Tĩnh lự; tuy khen ngợi trì giới nhưng khéo thông đạt bản tánh của trì giới; tuy khen ngợi nhẫn nhục nhưng đối với sự tận diệt, không sinh các pháp, khéo thông đạt kiến; tuy khen ngợi tinh tấn nhưng khéo chọn lựa các pháp không phát khởi; tuy khen ngợi Đệ-da-na Tam-ma-địa, Tam-ma-bát-đế nói Tam-ma-địa, phát ra đủ trăm ngàn đến Tam-ma-địa môn nhưng biết bản tánh của kiến là Tam-ma-bát-na; tuy khen ngợi trí tuệ cả ngàn chủng tướng, nhưng khéo thông đạt trí cùng vô trí, tự thể của bản tánh khéo lựa chọn các pháp; tuy nói hủy bỏ lỗi của dục, không thấy một pháp có thể nhiễm; tuy nói hủy bỏ lỗi của sân, không thấy một pháp có thể ghét; nói hủy bỏ lỗi của si, nhưng tin các pháp là si, không ngại; tuy vì chúng sinh hiển thuyết những lỗi lầm, những sự đáng ghét, ở cõi địa ngục, súc sinh, Diêm-ma-thế..., nhưng cũng không thấy địa ngục, súc sinh, Diêm-ma-thế... Những người đó, tin chúng sinh, như tin pháp được nói, nên tin một hành, đó là: Tín Không, tín Vô tướng, tín Vô ngữ, tín Vô sinh, tín Vô sở hữu, tín không tướng mạo.

Đại Đức Thế Tôn! Chỉ nên nói như vậy. Họ không thể suy nghĩ về những lời lẽ của phương tiện khéo léo; ở trong các hàng Thanh văn, Độc giác cho đến Đại Bồ-tát phát hạnh sơ thừa... đều chẳng phải là địa vị của họ, chỉ trừ hàng Đại Bồ-tát tin sâu xa vào một hành... mà thôi.

Nói như vậy rồi, Đức Thế Tôn lại bảo Đại Bồ-tát Sư Tử Du Bộ:

–Này Thiện gia tử! Nếu họ đã như vậy, ông nên nghe cho khéo, chân chánh nhớ nghĩ cho khéo, nên vì họ mà diễn nói.

Đại Bồ-tát Sư Tử Du Bộ đáp:

–Đúng như vậy, thưa Thế Tôn! Con phải nghe một cách chân chính.

Khi đó, Đức Thế Tôn nói bài kệ tụng:

*Nếu muốn hiểu cái đẹp Bồ-đề
Chớ nên phân biệt lỗi tham dục
Các pháp thường là tự tánh tham
Nếu biết được vậy, là cao quý.
Không thể nắm bắt tham, sân, si*

Cũng không, đạt những gì đã đạt
 Các pháp đều cũng như hư không
 Nếu biết được vậy, là cao quý.
 Kiến và chẳng kiến thường một hạnh
 Tăng và chẳng Tăng, hai đồng một
 Ở trong không Phật không pháp diệu
 Nếu biết như vậy, đạt thế trí.
 Như bậc Trượng phu, trong cơn mộng
 Đắc Bồ-đề, giáo hóa chúng sinh
 Trong đó không đạo, không chúng sinh
 Như vậy, tự tánh tức các pháp.
 Không thể đắc Bồ-đề tọa xứ
 Nó không thể đạt, cũng không có
 Minh, vô minh, hai nhưng một tướng
 Nên biết như vậy, đắc Đạo sư.
 Nói tánh chúng sinh là Bồ-đề
 Tánh Bồ-đề tức các chúng sinh
 Chúng sinh Bồ-đề, hai nhưng một
 Nếu biết như vậy, đắc Thượng nhân.
 Như bậc Trượng phu hiểu rõ huyễn
 Huyền ấy, hóa hiện vô biên thứ
 Trong đó, mọi thứ hiện đều không
 Hoặc loạn chúng sinh chẳng phải một.
 Tham dục, sân giận giống như huyễn
 Các phiền não này, đều như huyễn
 Phàm phu đều nghĩ: Ta nhiễm giận
 Nó mê loạn tâm, theo nẻo ác.
 Trong ấy không có tham, giận, si
 Trong ấy, cũng không phiền não khác
 Pháp thể cùng huyễn... đã phân biệt
 Như vậy phàm phu, phiền não đốt.
 Nếu không phiền não, không chúng sinh
 Trong ấy, không Phật không có gì
 Đấy pháp vô sinh đã phân biệt
 Phàm phu nghĩ: Ta nên làm Phật.

Tức không có Phật, không pháp Phật
 Chúng sinh cũng không thấy một nơi
 Nếu biết pháp thể tựa hư không
 Thì sẽ chóng thành bậc Thượng nhân.
 Nếu cầu Bồ-đề, mà không biết
 Sẽ cách Bồ-đề như đất, trời
 Nếu biết pháp thể ngang với huyễn
 Thì sẽ chóng thành bậc Thượng nhân.
 Nếu phân biệt giới, thì không giới
 Nếu thấy trì giới tức phá giới
 Giới, phá giới, hai nhưng một tướng
 Nếu biết như vậy, làm Đạo sư.
 Như bậc Trượng phu, trong cơn mộng
 Hưởng thọ việc dục, sinh vui vẻ
 Si loạn phân biệt, nghĩ phụ nữ
 Trong ấy, phụ nữ thường là không.
 Phá giới, trì giới, như tánh mộng
 Phàm phu phân biệt hai thứ này
 Trong ấy, không giới, không phá giới
 Nếu biết như vậy, làm Đạo sư.
 Đắm danh đích thị là phàm phu
 Do không biết tự tánh âm thanh
 Nếu biết danh này chẳng là danh
 Họ sẽ đạt được nhãn thắng diệu.
 Có các chúng sinh, nguyện thành Phật
 Rồi đem nói cho mọi người biết
 Tin lời là đúng, không tu hành
 Tức ngăn mọi nẻo, đạo Bồ-đề.
 Ở trong oai nghi, không sai trái
 Lời vui thích nói thì không biết
 Không cho lời đúng, tỏ Bồ-đề
 Do họ không biết pháp tự tánh.
 Tuy với pháp không thường hiển nói
 Nhưng ưa tranh đấu, ác ý sinh
 Sao có Bồ-đề cùng Phật pháp

Chính là nói đến sân, không trí.
 Sân - Nhãn, hai thứ là một tướng
 Người biết như vậy, không phân biệt
 Tự tánh chúng sinh, họ không biết
 Sinh các lỗi lầm là trí phàm.
 Tự nói chúng sinh, ta đều mến
 Làm bậc cao cả giúp chúng sinh
 Bị động, họ tức sinh sân ác
 Do có ác tâm nên không nói.
 Thường thích tranh đấu, tìm lỗi người
 Nhưng lại khen nói tâm nhãn này
 Cũng nói các pháp đều là không
 Trong ý cống cao cầu sai trái.
 Tham đắm ăn uống - người không trí
 Ngày đêm suy nghĩ đến ham muốn
 Bọn họ đi vào nơi thôn ấp
 Nói là sẽ giải thoát chúng sinh.
 Với chúng sinh, ta thương xót khắp
 Ta làm lợi ích cho chúng sinh
 Loại pháp thể này, tuy hiển nói
 Đắm trong tâm hại, thường ác ý.
 Nhưng ta chưa nghe, cũng chưa thấy
 Có lòng thương, lại có tâm hại!
 Họp lại cùng nhau phá vết thương
 Mà cầu nước A-di-đà-do.
 Cát sông Hằng có nhiều như vậy
 Thường bị hủy nhục cùng đánh mắng
 Không thể chịu được các việc ác
 Chẳng đến cõi đó, Nhân ngiut vương.
 Cõi chẳng phải cõi, nếu hay biết
 Cõi không, giống như tự tánh không
 Không niệm cõi, cùng công đức cõi
 Nên đến cõi đó, nhân Ngütu vương
 Nói ta hay nhện các việc ác.
 Ta với Bồ-tát, tướng thầy dạy

*Nhưng ta chưa nghe cũng chưa thấy
Nơi thầy dạy tưởng, mà sinh ác
Tất cả cùng hủy mọi việc làm
Chấp nhà khát thực và nhà bạn
Cho ta là người đã thành thực
Bên trong chẳng khiến người khác vào.
Ta giải thoát người, chẳng vì thân
Kẻ ấy không có hạnh trong sạch
Đến nơi ồn ào là vô trí
Chẳng được lợi ích nơi Bồ-đề.
Ngày đêm như vậy làm ba thời
Nên lễ chư Phật cùng Bồ-tát
Chớ nên soi mói lỗi người, ta
Như đạo dục hạnh thường tu hành.
Nếu thấy vui thích nơi dục lạc
Lỗi lầm của người, chớ tìm cầu
Như vậy lâu dài sẽ chứng được
Bồ-đề tối thắng, đức vô biên.
Nên lần lượt học, lần lượt làm
Không thể nhất thời thành Phật được
Nhiều kiếp cả đến na-do-tha
Ta mặc áo giáp, đã lâu đời.
Chớ dùng phân biệt, phân biệt dục
Ta biết Bồ-đề như tánh dục
Phiền não này, cũng sẽ không sinh
Nếu tin được vậy, đạt thắng nhãn.
Quán các âm thanh, chẳng phải thanh
Pháp thể vô tự, liền nhập vào
Loại thanh như vậy, các thể pháp
Nên không sinh dục, cũng không sân.
Đối với dục sân, quán vô sinh
Nên biết hai thứ, không có chữ
Cả hai chỉ có thể là danh
Chữ nếu không có, ở trong không.
Nếu biết các từ, tức một từ*

Danh cũng không sinh, vốn chẳng có
 Những lời ta nói, ngoài đạo nói
 Pháp thể loại này, họ không biết.
 Nói các pháp này, dùng thanh nói
 Nhưng pháp và thanh, không thể đạt
 Năng nhập các pháp, đạo một tướng
 Thắng nhãn vô thượng, liền được chứng.
 Chớ phân biệt nhãn, chớ không nhãn
 Chớ phân biệt sân, chớ khát dục
 Những đấng không sinh, thường tỏ biết
 Nên ở đời gần Thắng nhân trung.
 Trong các phương Bắc, Nam, Tây, Đông
 Đếm cát sông Hằng có bao nhiêu
 Trong mỗi hạt cát là một người
 Nếu cả đất đai, nhiều vô biên.
 Của báu đầy khắp, đem cho hết
 Vô biên trăm kiếp trội hơn trên
 Nếu có nghe được Khế kinh này
 Như vậy phước đức sẽ vô số.
 Cầu Bồ-đề đó, nên xuất gia
 Họ được ta truyền cho kinh này
 Chắc chóng đạt được tối thắng nhãn
 Nên nói pháp cùng trong mọi pháp.
 Dễ dàng đạt được Đà-la-ni
 Sẽ đạt đủ cả na-do kinh
 Lợi trí biện tài họ sẽ đạt
 Ít động biết nhiều chóng đạt được.
 Liền được vô biên các biện tài
 Chư Phật đều cùng họ biện tài
 Nói Khế kinh, chẳng phải một báu
 Biện thuyết vô biên, họ sẽ có.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Sư Tử Du Bộ bèn bạch Phật:

–Đại Đức Thế Tôn! Khi Thế Tôn nói bài kệ này, có bao nhiêu chúng sinh nghe được và làm lợi ích?

Nghe hỏi vậy, Phật bảo Đại Bồ-tát Sư Tử Du Bộ:

–Này Thiện gia tử! Ông có thấy chúng đây, tập họp bàn luận không?

Đáp:

–Con đã thấy, thưa Thế Tôn! Con đã thấy, thưa Thiện Thệ! Con số đã vượt qua cả tính toán; cả đến những hàng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Già-lưu-nại, Khẩn-na-la, Ma-hầu-là-già, đầy khắp cả hư không và cùng với những chúng sinh khác, ở khắp các thế giới, tại chúng hội thuyết pháp này, đều đã nghe bài thuyết pháp này.

Nghe nói như vậy rồi, Phật bảo với Đại Bồ-tát Sư Tử Du Bộ:

–Thiện gia tử! Khi nói bài pháp này, có chín mươi tám ngàn Thiên tử đạt được nhẫn trong pháp vô sinh. Có chín mươi hai ngàn Dạ-xoa sinh tâm đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Có ba mươi sáu ngàn rồng, sinh tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Có năm trăm Tỳ-kheo tăng thượng mạn, ý chưa đạt được, tưởng đã đạt khi được nghe kinh này, nghe được bài pháp nói về ngã mạn này, liền tin hiểu các pháp là đạo một tướng, không còn gì để thọ nhận nên lậu tâm được giải thoát; trong số Bồ-tát kia, có sáu mươi hai ngàn Bồ-tát, tin hiểu các pháp, không có chướng ngại, đạt được nhẫn trong pháp vô sinh. Tại sao? Thiện gia tử! Vì đây là bài pháp cao tột trong các bài pháp đã được nói.

Thiện gia tử! Như khi ở trước Đức Như Lai Nhiên Đăng, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri; ta đã tin hiểu ngay được các pháp là đạo một tướng. Ngay sau đó, ta liền đạt được nhẫn trong pháp vô sinh. Thiện gia tử! Nếu đạt được sáu pháp Ba-la-mật, nếu lại nghe pháp này thì xưa nay, cả hai cùng một thể.

Thiện gia tử! Đại Bồ-tát nhờ nơi đạo này mà đầy đủ cả sáu pháp Ba-la-mật. Ta nói như vậy, là tại sao? Thiện gia tử! Như có Bồ-tát trong hàng hà sa đẳng kiếp, thực hành bố thí, giữ giới, siêng năng, tu nhẫn, nhập định, tu trí; nhưng do vì không biết đạo pháp này, nên tất cả căn lành có được, hoàn toàn bị mất sạch!

Thiện gia tử! Người hãy xem Đề-bà-đạt-đa đấy. Mặc dù có đủ căn lành, đủ ba mươi tướng như vậy; nhưng do vì không biết đạo pháp này, mà ông ta đã mất hết các căn lành, đọa vào trong đại địa ngục.

Thiện gia tử! Vì lý do này, ông nên biết: Các căn lành bị dứt sạch chính là bởi không biết đạo pháp này vậy!

Thiện gia tử! Vô số kiếp a-tăng-kỳ, ở quá khứ, lại vượt trội hơn cả vô số, rộng lớn vô lượng, không thể nghĩ, không thể lường; có vị Phật ra đời, tên là Mễ Lưu Thượng Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Cụ Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Giáo Sư, Phật Thế Tôn. Vị Như Lai ấy sống lâu đến chín mươi chín câu-chi na-do-tha trăm ngàn năm. Thế giới Phật ấy, tên là Kim điểm ảnh. Đất trong thế giới ấy, được làm bằng vàng. Đức Như Lai ấy cũng dùng ba Thừa giáo hóa, khiến cho chúng sinh nhập vào Niết-bàn. Ba thừa ấy là:

1. Thanh văn thừa.
2. Độc giác thừa.
3. Bồ-tát thừa.

Hội thứ nhất của Như Lai ấy, hàng Thanh văn có đến tám mươi trăm ngàn câu-chi na-do-tha. Những vị này đều là những bậc A-la-hán, các lậu đã dứt, việc cần làm đã làm xong, vứt bỏ được gánh nặng, đạt được lợi ích cho mình, chấm dứt mọi trói buộc của phiền não, dùng trí bình đẳng khéo được giải thoát.

Ở hội thứ hai, hàng Tỳ-kheo có bảy mươi trăm ngàn câu-chi na-do-tha.

Hội thứ ba, hàng Tỳ-kheo có sáu mươi trăm ngàn câu-chi na-do-tha.

Hội thứ tư, hàng Tỳ-kheo có hai mươi lăm trăm ngàn câu-chi na-do-tha.

Lại có lượng Tỳ-kheo-ni nhóm lại, gấp đôi số trên. Lại có lượng Ưu-bà-tắc nhóm lại, gấp đôi số trên. Lại có lượng Ưu-ba-di nhóm lại, gấp đôi số trên. Lại có lượng chư Bồ-tát nhóm lại, gấp đôi số trên. Các Bồ-tát này, đều là những vị đã đầy đủ pháp Nhẫn vô sinh, khéo léo phát ra vô biên Tam-ma-địa đạo, đạt được vô biên Tổng trì môn, chuyển bánh xe pháp không thoái chuyển, hướng chỉ là hàng Bồ-tát ở thừa thứ nhất mới phát hạnh. Trong số đó, lại có vô lượng vô số những vị Độc giác thừa.

Thiện gia tử! Vào lúc đó, vị Phật ấy, có vô lượng vô số các

Thanh văn.

Thiện gia tử! Tại thế giới Kim diễm ảnh ấy, có những cây những trụ được làm bằng bảy báu. Cây báu ấy phát ra những âm thanh như sau: Âm thanh không, âm thanh không tướng, âm thanh không nguyện, âm thanh không sinh, âm thanh không chỗ có, âm thanh không hình dáng. Ngay khi cây báu phát ra âm thanh như vậy, những chúng sinh ở trong thế giới này nghe được, tâm liền giải thoát. Sau khi Đức Như Lai diệt độ một ngàn năm, chánh pháp hết trụ ở đời, thì các âm thanh ấy cũng không còn phát ra nữa.

Thiện gia tử! Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Mễ Lưu Thượng Vương ấy khuyên nên mời Tỳ-kheo Tịnh Thiện Hạnh thuyết pháp; khi Tỳ-kheo này thuyết pháp rồi, Đức Phật ấy mới diệt độ.

Thiện gia tử! Lúc đó lại có một Tỳ-kheo khác, tên là Thiện Hạnh Ý. Tỳ-kheo này, đầy đủ sự tích tụ giới trong sạch, tốt lành, lại đạt được năm thông, trí thế gian cao cả, cũng có khả năng lưu truyền và tụng luật tạng. Tỳ-kheo này, lại có khổ hạnh cao tột, tin ưa sự trong sạch, dè dặt, lãnh đạo chúng để thuyết giáo; tạo lập chỗ ở an vui và trụ trong đó. Đồ chúng của vị Tỳ-kheo này, khéo trụ vào giới tụ, tin ưa công đức Đầu-đà, cùng sống đơn giản. Tỳ-kheo này, cũng phát khởi siêng năng tu hành, nhưng lại xa lìa tâm Bồ-đề. Tỳ-kheo này, có chúng Bồ-tát khác; cũng đem đạo oai nghi mà giáo hóa, khiến họ giống như mình; đem sự hiểu biết của mình, chỉ bảo cho mọi người, nắm chặt các hành là vô thường, nắm chặt các hành là khổ, nói các hành là vô ngã. Tỳ-kheo này, không có trí tuệ khéo léo, cũng không có sự khéo léo đối với hạnh Bồ-tát. Mặc dù là như vậy, nhưng Tỳ-kheo này lại có đầy đủ căn lành. Còn vị Tỳ-kheo thuyết pháp Tịnh Thiện Hạnh kia, biết rõ căn cơ của mỗi chúng sinh, có sự khác biệt nhau. Đồ chúng của vị Tỳ-kheo này, không chú trọng đến công đức hạnh Đầu-đà và lối sống đơn giản, cả đến phương tiện khéo léo đối với nhữn vô sở đắc.

Thiện gia tử! Khi ấy, Tỳ-kheo thuyết pháp Tịnh Thiện Hạnh, cùng đồ chúng của mình, đến ở tại nơi ở của Tỳ-kheo Thiện Hạnh Ý; nhưng do vì thương xót chúng sinh, nên cũng nhiều lần vào thôn xóm khất thực, xong xuôi rồi mới ra. Ông ta, đã khiến cho hàng trăm

ngàn nhà, phát khởi lòng tin trong sạch. Đồ chúng của vị Tỳ-kheo này, cũng khéo léo trong việc cảm hóa, hướng dẫn, đến từng nơi ở của mọi người mà nói pháp, khiến cho hàng trăm ngàn người phát khởi tạo lập nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trong khi đó, những đồ chúng của Tỳ-kheo Thiện Hạnh Ý, lại ưa thích việc tu định, không thường vào thôn xóm. Lúc bấy giờ, ở trước Tỳ-kheo Tịnh Thiện Hạnh cùng đồ chúng của ông ta bên cạnh; Tỳ-kheo Thiện Hạnh Ý sinh tâm không sạch nói: “Đây chính là Tỳ-kheo biếng nhác thường xuyên vào thôn xóm.” Bèn đánh bảng nhóm họp các Tỳ-kheo lại, tự mình ra lệnh: “Các ông, không một ai, được vào thôn xóm”; rồi xoay sang số đồ chúng của Tỳ-kheo Tịnh Thiện Hạnh, nói: “Các ông không biết rõ việc làm, không tiết chế lời nói. Tại sao các ông, lại nhiều lần đi vào xóm làng vậy? Chư Phật, Thế Tôn khen ngợi biết bao, về việc ở nơi không ồn ào. Các ông chớ đến nhà người, mà phải nên vui vẻ ở trong suy nghĩ và thiền định.”

Thiện gia tử! Khi ấy, đối với những điều mà Tỳ-kheo Thiện Hạnh Ý đặt ra; vì muốn thành thực cho các chúng sinh, nên Tỳ-kheo Tịnh Thiện Hạnh cùng đồ chúng của mình, không chấp nhận theo những điều đặt ra ấy, nên lại vẫn nhiều lần đi vào thôn xóm. Thiện gia tử! Khi Tỳ-kheo này đi ra khỏi thôn xóm, Tỳ-kheo Thiện Hạnh Ý lại đánh bảng, nhóm họp chúng Tỳ-kheo lại mà nói: “Nếu như vẫn còn tiếp tục vào xóm làng, tôi sẽ không chấp nhận cho các người ở đây nữa.”

Thiện gia tử! Vì muốn chở che cho Tỳ-kheo này, Tỳ-kheo thuyết pháp Tịnh Thiện Hạnh, bèn bảo với đồ chúng của mình: “Các vị, không ai được vào xóm làng!”

Không thấy các Tỳ-kheo xuất hiện, những người ở trong thôn đã được Tỳ-kheo kia thành thực, thấy đều ôm lòng buồn rầu, khổ sở, pháp lành cũng giảm mất.

Thiện gia tử! Ba tháng đã xong, Tỳ-kheo thuyết pháp Tịnh Thiện Hạnh ra khỏi chỗ ở này, đến ở nơi khác. Tỳ-kheo này lại cùng với đồ chúng của mình, tiếp tục đi vào thôn ấp, thành quách, kinh đô, vì các hàng chúng sinh mà nói pháp.

Thiện gia tử! Vẫn thấy Tỳ-kheo thuyết pháp Tịnh Thiện Hạnh nhiều lần vào xóm làng, vẫn thấy đồ chúng kia bản tánh oai nghi, đi

vào trong thôn xóm; Tỳ-kheo Thiện Hạnh Ý sinh tâm không sạch, chỉ nghĩ: “Tỳ-kheo này đúng là ác giới, phá giới, tự mình đã vậy, lại khiến cho đồ chúng của mình cũng như thế. Kẻ ngốc này làm sao có Bồ-đề được! Chỉ là kẻ hư dối mà thôi!” Ông ta lại còn nói với mọi người: “Tỳ-kheo này đức hạnh, lộn xộn, quá cách xa Bồ-đề, chỉ biết quý trọng lợi ích riêng, dính mắc nơi nhà người.”

Thiện gia tử! Một thời gian sau, Tỳ-kheo Thiện Hạnh Ý này mất. Nhưng bởi do lúc trước, sinh tâm không sạch, gây nghiệp đã chín muồi nên khi chết đi, liền bị đọa vào địa ngục A-tỳ, cho đến các địa ngục lớn khác; trải qua chín mươi chín câu-chi trăm ngàn kiếp, ở trong các địa ngục lớn, chịu đủ mọi nỗi cực khổ tại các địa ngục này; trong sáu mươi ba trăm ngàn đời thường bị chê bai; vì do nghiệp chướng còn sót lại, nên trong suốt ba mươi ba trăm ngàn đời, được xuất gia, nhưng rồi cũng bị hoàn tục; về sau xuất gia trong giáo pháp của Như Lai Vô Cấu Nhiễm, là Đấng Ứng Cúng, Chánh Biến Tri; mạng sống dài lâu, siêng năng tu hành như cứu lửa trên đầu, trong suốt câu-chi trăm ngàn năm, nhưng cũng vẫn chưa từng đạt được Tỳ thuận đạo nhãn; lại do nghiệp còn sót lại kia, nên phải tiếp tục chịu tối tăm ngu muội, trong suốt trăm ngàn đời nữa.

Thiện gia tử! Đối với Tỳ-kheo thuyết pháp Tịnh Thiện Hạnh vào thời ấy, ông chớ nên có cái nhìn sai khác. Tại sao? Đó chính là Đức Như Lai Bất Động, vào khi xưa là vị Tỳ-kheo thuyết pháp tên là Tịnh Thiện Hạnh.

Thiện gia tử! Tỳ-kheo thuyết pháp thời ấy là Thiện Hạnh Ý, ông chớ nên có cái nhìn sai khác. Vì sao? Vì đó chính là ta đây, khi xưa là Tỳ-kheo thuyết pháp tên Thiện Hạnh Ý. Vào thời đó, ta sinh tâm không tốt với mọi phương tiện vi tế, rồi gây ra nghiệp chướng phải bị đọa vào địa ngục lớn. Thiện gia tử! Nghiệp chướng có những cái rất là nhỏ như vậy đấy.

Thiện gia tử! Nếu Bồ-tát nào không muốn có nghiệp chướng như vậy thì không nên chống trái với những hạnh tu, của hàng Bồ-tát thứ hai; phải tin thuận những việc đã gây ra, nên luôn sinh tâm như vậy: “Ta không biết tâm người khác, cũng khó thể biết được những việc làm của chúng sinh.”

Thiện gia tử! Vì thấy được nghĩa này, nên Như Lai mới nói

pháp như vậy cho chúng sinh. Chúng sinh không nên lựa chọn; chỉ có ta mới có thể lựa chọn chúng sinh và những gì tương tự ta mà thôi.

Thiện gia tử! Nếu muốn tự bảo vệ thì không nên lựa chọn; nếu có ai làm điều gì, thì chớ nên ngăn chặn họ. Tương như vậy đấy, nên siêng năng tạo sự tương ứng với Phật pháp, ngày đêm siêng năng nhớ nghĩ tương ứng với pháp.

Thiện gia tử! Bồ-tát nào nếu phát hạnh tâm sâu xa, thì không nên ngăn trở chỗ ở của người, mà phải nên siêng năng tùy thuận, cùng nhau tu hành.

Thiện gia tử! Giả sử, nếu có Bồ-tát nào, khiến cho tất cả chúng sinh, trong tam thiên đại thiên thế giới, được an vui ở nơi con đường của mười điều lành; nếu có Bồ-tát nào một mình đến nơi vắng vẻ, chỉ trong một khoảnh khắc móng tay, tin các pháp là đạo một tướng; hoặc hỏi hoặc cùng nhau nghị luận; hoặc nói hoặc dạy dỗ, đọc tụng; hoặc tự tụng; thì lượng phước đức đạt được, vượt hơn cả lượng chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới. Vì sao? Thiện gia tử! Vì do nơi đạo này, mà hàng Đại Bồ-tát, mới đạt được những nghiệp chướng trong sạch, xa lìa sự yêu ghét đối với các chúng sinh, chóng đạt đến biên giới trí tuệ.



KINH CÁC PHÁP VỐN KHÔNG QUYỂN TRUNG

Bấy giờ, Đồng chân Mạn-thù-thi-lợi, liền bạch Phật:

–Nói rằng nghiệp chướng trong sạch. Bạch Thế Tôn! Vậy Bồ-tát làm thế nào để nghiệp chướng sẽ trong sạch?

Phật đáp:

–Này Mạn-thù-thi-lợi! Nếu Bồ-tát nào, thấy các pháp là không nghiệp, không báo; thì Bồ-tát đó, đang đến với nghiệp chướng trong sạch.

Lại nữa, Mạn-thù-thi-lợi! Nếu có Bồ-tát nào, đối với dục tế mà thấy như thật tế; thì người đó, sẽ đến với nghiệp chướng trong sạch; đối với sân tế, si tế, tức thấy thật tế, người đó sẽ đến với nghiệp chướng trong sạch.

Lại nữa, này Mạn-thù-thi-lợi! Nếu Bồ-tát nào thấy các chúng sinh tức cõi Niết-bàn; vị ấy sẽ đạt đến nghiệp chướng trong sạch. Vì sao? Này Mạn-thù-thi-lợi! Vì người kia có cái nhìn tùy thuận về nghiệp chướng, nên được trong sạch.

Này Mạn-thù-thi-lợi! Do có bốn tâm điên đảo, chúng sinh không thể thấy một cách như thật, về bốn Thánh đế, không thể vượt qua được sự lưu chuyển không thật. Nghe Phật nói vậy, Mạn-thù-thi-lợi lại bạch:

–Theo như lời Thế Tôn nói, vậy tại sao, chúng sinh có được sự hiểu biết, mà lại không thể vượt qua được dòng lưu chuyển?

Phật đáp:

–Này Mạn-thù-thi-lợi! Vì dính mắc vào ta, vào cái ta có, nên chúng sinh không thể vượt qua được dòng lưu chuyển. Vì sao? Này Mạn-thù-thi-lợi! Hễ ai thấy mình người, thì người ấy có nghiệp hạnh.

Mạn-thù-thi-lợi! Hàng chúng sinh phàm phu thấp kém, do không nghe, nên không biết các pháp rốt ráo diệt độ. Họ thấy được có mình và người; khi thấy vậy, chúng sinh này lại gây ra ba nghiệp về thân, miệng và ý. Đối với sự không có, họ lại nắm chặt là có, rồi phân biệt có tham của ta, sân của ta, si của ta. Như được xuất gia trong giáo pháp của Như Lai, họ lại nghĩ: “Ta đủ giới, ta tịnh hạnh, ta đương vượt qua sự lưu chuyển, ta đương đắc Niết-bàn, ta đương giải thoát khổ.”

Rồi họ lại phân biệt: Pháp này tốt, pháp này xấu, pháp này nhơ, pháp này không nhơ, pháp này biết, pháp này dứt, pháp này chứng, pháp này tu, đó gọi là: Khổ nên biết, Tập nên đoạn, Diệt nên chứng, Đạo nên tu. Họ lại phân biệt: Các hành là vô thường, các hành là khổ, các hành là sự thiếu sót, ta nên ra khỏi các hành. Khi khởi lên sự xem xét kỹ như vậy rồi, họ liền có sự nhàm chán, buông bỏ, đối với sự tưởng niệm hòa hợp.

Tướng này thực hành trước, họ liền nghĩ: “Khổ này nên biết.” Nếu các pháp này là những pháp nên biết, họ lại nghĩ: “Ta nên đoạn tập.”

Đối với các pháp, họ xấu hổ, nhàm chán, sợ hãi; nên họ nghĩ: “Tập này nên đoạn.”

Nếu các pháp này, là pháp xấu hổ, nhàm chán, họ liền nghĩ: “Diệt nên chứng, đạo nên tu.”

Pháp này đã phân biệt, lại biết đến diệt, họ nghĩ: “Đây chính là diệt, diệt này nên chứng.”

Nếu các pháp đấy, là những pháp nên chứng, họ lại nghĩ: “Ta nên tu đạo.” Họ liền một mình đến nơi vắng vẻ, suy nghĩ các pháp, đạt được sự thiền định, diệt trừ mọi lo nghĩ. Vì đạt được sự thiền định, nên đối với các pháp, tâm họ tự nhiên mở bày thắm mát, trở lại sinh tâm xấu hổ không vui vẻ. Họ lại nghĩ: “Ta thoát các khổ, đối với những điều ở trên, không phải ta đã làm, ta tự gọi là A-la-hán”. Tạo ra cái biết như vậy rồi, khi sắp chết, họ thấy được nơi thọ sinh, liền có sự nghi hoặc, ý không chánh đáng, đối với Phật Bồ-đề. Bởi tâm họ đã đọa, nơi nghi hoặc ấy, nên khi chết đi, họ liền bị rơi vào các địa ngục lớn. Vì sao? Vì rơi vào sự phân biệt đối với các pháp vô sinh, nên mới có tâm phá hại đối với Phật Bồ-đề.

Bấy giờ, Đồng chân Mạn-thù-thi-lợi lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao nên thấy bốn Thánh đế?

Phật đáp:

–Này Mạn-thù-thi-lợi! Nếu thấy các hành là không sinh, họ liền biết Khổ. Nếu thấy các hành không khởi, họ liền đoạn Tập. Nếu thấy các pháp rốt ráo Niết-bàn, họ liền chứng Diệt. Nếu thấy các pháp không có, họ liền tu Đạo.

Mạn-thù-thi-lợi! Nếu thấy bốn Thánh đế như vậy, họ sẽ không có sự phân biệt, pháp này tốt, pháp này xấu, pháp này nên biết, pháp này nên dứt, pháp này nên chứng, pháp này nên tu, đó gọi là: Khổ nên biết, Tập nên đoạn, Diệt nên chứng và Đạo nên tu. Tại sao? Như các phạm phu thấp kém đắm nơi giận si; thấy các pháp kia, trong đó, không sinh, không có, không thật, phân biệt, bị trói buộc. Khi thấy như vậy rồi, họ không có giữ hay bỏ đối với các pháp; thấy các dục, sân, si... đều như tự tánh của hư không. Đối với ba cõi, họ không còn có sự dính mắc. Đối với ba cõi, họ thấy không sinh. Họ thấy ba cõi như huyễn, như mộng, như âm vang, như hình bóng. Đối với pháp tốt, xấu, họ thấy như tia lửa sáng. Họ thấy cõi Dục tức cõi Niết-bàn; thấy cõi sân giận tức cõi Niết-bàn, thấy cõi ngu si tức cõi Niết-bàn. Thấy tự tánh các pháp như vậy, họ liền xa lìa mọi sự yêu ghét, đối với các chúng sinh. Vì sao? Vì đối với các pháp, họ không còn thấy có yêu, có ghét, tâm họ ngang bằng như hư không, cũng không thấy Phật, cùng Pháp và Tăng. Bởi không thấy các pháp, nên họ không thể sinh mỗi nghi, đối với các pháp. Khi đã không còn nghi, liền không có sự nắm bắt; đã không có sự nắm bắt, liền không có sinh, đó chính là Niết-bàn.

Này Mạn-thù-thi-lợi! Thượng tọa Tu-phù-đế biết pháp như vậy, nên không đến lễ dưới chân Như Lai. Sao vậy? Chính thân của mình, ông ta còn không thấy, huống nữa là thân Như Lai, hoàn toàn không có chuyện đó.

Khi ấy, Đồng chân Mạn-thù-thi-lợi lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao phải thấy bốn Niệm xứ?

Phật đáp:

–Này Mạn-thù-thi-lợi! Vào đời vị lai có một vị Tỳ-kheo. Vị Tỳ-kheo này, tùy thuận xem xét thân ngay trong thân không sạch, đó gọi là niệm xứ; tùy thuận quán thọ ngay trong thọ sinh diệt, đó gọi là niệm xứ; thấy tâm chính là pháp sinh diệt, tùy thuận quán tâm ở ngay trong tâm, đó gọi là niệm xứ. Vị Tỳ-kheo ấy nói như vậy, có nghĩa là: Nếu có viên tưởng, thì tưởng ấy chẳng phải có; nếu có pháp tưởng thì tưởng ấy cũng chẳng phải có, như vậy, tùy thuận xem xét pháp ngay trong pháp, gọi đó là niệm xứ.

Nghe Phật nói vậy, Đồng chân Mạn-thù-thi-lợi lại bạch:

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

–Bạch Thế Tôn! Vì sao bốn Niệm xứ lại phải huân đúc tu hành?

Phật đáp:

–Không cần phải vậy. Mạn-thù-thi-lợi! Đối với những điều Như Lai đã nói, ý rất đặc biệt, ông khó thể biết được.

Mạn-thù-thi-lợi bạch:

–Bạch Đại Đức Thế Tôn! Chỉ nên vì huân tu Niệm xứ mà nói.

Phật nói:

–Này Mạn-thù-thi-lợi! Nếu thấy thân mình bình đẳng như hư không, thì tùy thuận mà quán Thân niệm xứ, ngay trong thân đấy.

Mạn-thù-thi-lợi! Nếu không cảm nhận được trong ngoài, hai bên, thì tùy thuận mà quán Thọ niệm xứ, ngay trong sự cảm nhận đó.

Mạn-thù-thi-lợi! Nếu biết tâm chỉ có tên và lượng, thì tùy thuận mà quán Tâm niệm xứ, ngay trong tâm ấy.

Mạn-thù-thi-lợi! Nếu không đạt được pháp tốt và pháp xấu, thì tùy thuận mà quán Pháp niệm xứ, ngay trong pháp ấy. Mạn-thù-thi-lợi! Như vậy, cho nên phải thấy bốn Niệm xứ.

Mạn-thù-thi-lợi lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Tại sao nên thấy tám Phần đạo của bậc Thánh?

Phật đáp:

–Này Mạn-thù-thi-lợi! Nếu thấy các pháp đều bình đẳng không hai cũng không chia làm hai; đấy là Chánh kiến.

Mạn-thù-thi-lợi! Nếu thấy các pháp không phân biệt, không phân biệt từng thứ, không phân biệt khắp nơi; và vì không có gì để thấy, nên đấy gọi là Phân biệt chân chánh.

Mạn-thù-thi-lợi! Nếu thấy các pháp không thể nói năng, vì nói năng bình đẳng khéo un đúc sự tu tập, nên đấy gọi là Chánh ngữ (*lời nói chân chánh*).

Mạn-thù-thi-lợi! Nếu thấy các pháp là không tạo tác, không người tạo ra, vì không có người tạo ra, nên đấy gọi là Chánh nghiệp.

Mạn-thù-thi-lợi! Nếu đối với các pháp không nhóm họp, không rời nhau, sinh sống một cách chân chánh, đấy gọi là Chánh mạng.

Mạn-thù-thi-lợi! Vì đối với các pháp, không khởi, không phát ra việc làm, nên đấy gọi là Chánh tinh tấn.

Mạn-thù-thi-lợi! Nếu không khởi sự nhớ nghĩ ngay trong các pháp, nghiệp nhớ nghĩ đã lìa, cũng không gây khó khăn cho ý, đấy gọi là Chánh niệm.

Mạn-thù-thi-lợi! Nếu thấy các pháp, bản tánh nhập định, không tán loạn, không theo duyên, không thể nắm bắt; đấy gọi là Chánh định.

Mạn-thù-thi-lợi! Nên thấy tám Phần đạo của bậc Thánh như vậy.

Mạn-thù-thi-lợi lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao nên thấy năm Căn?

Phật đáp:

–Này Mạn-thù-thi-lợi! Nếu tin các pháp không sinh; do bản tánh không sinh, nên gọi là Tín căn.

Mạn-thù-thi-lợi! Nếu tâm không theo đuổi các pháp; do xa lìa sự nghĩ gần, nghĩ xa, nên gọi là Tinh tấn căn.

Mạn-thù-thi-lợi! Nếu không khởi ý niệm ngay trong các pháp, do lìa tánh theo

duyên, niệm không bị trói buộc; nên gọi là Niệm căn.

Mạn-thù-thi-lợi! Nếu không nhớ, không nghĩ, đối với các pháp, coi như huyễn, không thể nắm bắt, gọi là Định căn.

Mạn-thù-thi-lợi! Nếu thấy các pháp lia sinh, lia vô trí, bản tánh trống không, thì gọi là Tuệ căn. Mạn-thù-thi-lợi, nên thấy năm căn như vậy.

Mạn-thù-thi-lợi lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao nên thấy bảy Giác phần?

Phật đáp:

–Này Mạn-thù-thi-lợi! Nếu thấy các pháp không có tự tánh, không khởi lên ý niệm, thì gọi là Niệm giác phần.

Mạn-thù-thi-lợi! Nếu lựa chọn các pháp rồi, mà không nắm bắt được tốt không tốt hay ở giữa; do không thành tựu được sự nắm bắt đó nên gọi là Trạch pháp giác phần.

Mạn-thù-thi-lợi! Nếu đối với ba cõi không giữ, không bỏ, vì biết ý tưởng về cõi giới sẽ hoại, nên gọi là Tinh tấn giác phần.

Mạn-thù-thi-lợi! Nếu trong các hành không trói buộc nơi cái vui; do biết vui, không vui sẽ hoại, nên gọi là Hỷ giác phần.

Mạn-thù-thi-lợi! Nếu trong các pháp tâm này dừng nghĩ, gọi là Chỉ tức giác phần.

Mạn-thù-thi-lợi! Nếu biết tâm không thể nắm bắt được các pháp, do theo đó mà hiểu, nên gọi là Định giác phần.

Mạn-thù-thi-lợi! Nếu ở trong các pháp, không nương tựa, không ở, không chìm đắm, không trói buộc, không thấy các pháp nhưng đạt được sự buông bỏ, gọi là Xả giác phần.

Mạn-thù-thi-lợi! Nên thấy bảy giác phần như vậy.

Mạn-thù-thi-lợi! Nếu ai thấy bốn Thánh đế, bốn Niệm xứ, tám Phần đạo của bậc Thánh, năm Căn, bảy Giác phần như vậy; ta sẽ nói, họ là người được độ, gọi là người đã qua bờ bên kia, gọi là người đến được đất liền, gọi là người được sự an ổn, gọi là người được sự không sợ hãi, gọi là người đã sạch bụi trần; người không có gì; người không bị dục quá nhiều, không bị chướng ngại; là bậc A-la-hán; người dứt sạch các lậu; người làm việc đáng làm, việc cần làm đã hoàn tất; người rời xa gánh nặng; là người được lợi cho mình, người sạch mọi trói buộc; thậm chí gọi là người tâm được tự tại, đạt được sự giải thoát thù thắng; là bậc Sa-môn, là Bà-la-môn; người có khả năng độ; là người vượt qua Lặc-đà-ca; là người Thâu-lư-đế-nghi-dạ; là Phật; là Phật tử; là Xà-ca tử; là người đập phá gai góc; là người từ bỏ tường hào; là người vượt qua tường hào; là người nhổ mũi tên độc; là người xa lia khổ não; là Tỳ-kheo; là bậc Thánh; là người đầy đủ cờ hiệu.

Này Mạn-thù-thi-lợi! Tỳ-kheo nào đầy đủ nhẫn như vậy, thì có khả năng bố thí một cách thanh tịnh, sẽ được sự cúng dường của các hàng trời, người... Thế nên, này Mạn-thù-thi-lợi! Tỳ-kheo nào muốn không hư thực, nơi mà người dân trong nước được đầy đủ, muốn phá sự kiểm soát của ma, muốn vượt qua khỏi sự lưu chuyển, muốn thuận đến Niết-bàn, muốn giải thoát khổ não, muốn làm người ban ruộng phước sạch cho các hàng chư Thiên, nhân gian...; thì hãy nên siêng năng tu tập tương ứng với pháp này. Khi nghe Phật nói lời này, có ba mươi hai ngàn Thiên tử, chứng được sự thấy đối với pháp. Những vị Thiên tử này tung hoa: Mạn-đà-la, hoa Ma-ha-mạn-đà-la lên trên Phật, rồi nói:

–Bạch Đại Đức Thế Tôn! Nếu như ai nghe được pháp này, người đó sẽ khéo xuất

gia trong giáo pháp Như Lai; huống gì nghe, rồi còn tin hiểu, làm duyên, như thật mà phụng hành?

–Bạch Thế Tôn! Thậm chí, nếu nghe lời nói này, những chúng sinh ấy, cũng sẽ không còn tăng thượng mạn.

Khi ấy, Mạn-thù-thi-lợi lại thưa:

–Bạch Đại Đức Thế Tôn! Xin Thế Tôn hãy nói Đà-la-ni cú, vì Đà-la-ni này sẽ khiến cho hàng Bồ-tát, không vướng mắc vào nơi biện luận; không còn sự sợ hãi bất cứ một âm thanh nào; phát sinh ra các pháp, ở trong Phật pháp; tin hiểu các pháp là đạo một tướng.

Nghe nói như vậy, Đức Phật liền bảo với Bồ-tát Mạn-thù-thi-lợi đồng chân:

–Này Mạn-thù-thi-lợi! Vì do nhân duyên này, ta sẽ nói pháp môn Kê-la cú và Chủng tử cú; vì pháp môn này, sẽ khiến cho các hàng Bồ-tát, được sự sáng tỏ đối với các pháp, chóng đạt được nhãn trong pháp vô sinh, nên ông hãy khéo lắng nghe.

Mạn-thù-thi-lợi lại hỏi:

–Vì sao lại có tên là pháp môn Kê-la cú và Chủng tử cú?

Phật đáp:

–Này Mạn-thù-thi-lợi! Các chúng sinh có tâm thuần nhất, là Chủng tử cú.

Mạn-thù-thi-lợi hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Do đâu gọi là Chủng tử cú?

Phật đáp:

–Này Mạn-thù-thi-lợi! Các chúng sinh, tâm đều không có được sự theo duyên và vì không thể nắm bắt được, nên gọi đấy là Chủng tử cú.

Mạn-thù-thi-lợi! Tâm của chúng sinh đều cùng một lượng, ấy là Chủng tử cú.

Mạn-thù-thi-lợi tiếp:

–Bạch Thế Tôn! Do đâu gọi là Chủng tử cú?

Phật đáp:

–Này Mạn-thù-thi-lợi! Tâm các chúng sinh như lượng của hư không, nhập vào hạnh bình đẳng không dính mắc, nên gọi là Chủng tử cú. Mạn-thù-thi-lợi! Một chúng sinh trong số các chúng sinh kia, là Chủng tử cú.

Mạn-thù-thi-lợi hỏi:

–Do đâu gọi là Chủng tử cú?

Phật đáp:

–Này Mạn-thù-thi-lợi! Nói các chúng sinh, kỳ thực chỉ là một, rốt ráo không sinh, xa lìa tên gọi, vì là một, là khác, không thể nắm bắt, nên gọi đây là Chủng tử cú. Mạn-thù-thi-lợi! Ông muốn hỏi Kê-la cú ư?

Mạn-thù-thi-lợi hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Do đâu gọi là Kê-la cú?

Phật đáp:

–Này Mạn-thù-thi-lợi! Muốn không thể lay động đối với tánh pháp giới; vì không trụ, vì không lay động, nên bản tánh xa lìa, do vậy đấy gọi là Kê-la cú.

Mạn-thù-thi-lợi! Sân là Kim cương cú.

Mạn-thù-thi-lợi hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Do đâu gọi là Kim cương cú?

Phật đáp:

–Này Mạn-thù-thi-lợi! Sân không thể phá, cũng không thể cắt đứt; như Kim

cương kia không thể phá lại không thể dứt. Thật đúng như vậy, này Mạn-thù-thi-lợi! Các pháp cùng đều không phá, không cắt đứt, vì các việc không thành tựu, nên gọi là Kim cương cú.

Mạn-thù-thi-lợi! Si là trí cú.

Mạn-thù-thi-lợi hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Do đâu gọi là trí cú?

Phật đáp:

–Này Mạn-thù-thi-lợi! Tức là trong trí, các pháp thay nhau diệt, xa lìa không trí, như hư không kia, chẳng phải trí, mới đầy đủ, cũng chẳng phải không trí mới đầy đủ. Thật đúng như vậy, này Mạn-thù-thi-lợi! Các pháp chẳng phải trí mới đầy đủ, cũng chẳng phải không trí mới đầy đủ; vì trí và không trí cùng là chỗ biết nhau, bản tánh đều vắng lặng, nên gọi là trí cú.

Mạn-thù-thi-lợi! Sắc là Kê-la cú.

Mạn-thù-thi-lợi hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Do đâu gọi là Kê-la cú?

Phật đáp:

–Này Mạn-thù-thi-lợi! Như cửa quyết của Thiên đế, không động, không lay, là bởi do khéo trụ vậy. Thật đúng thế, Mạn-thù-thi-lợi! Các pháp trụ nơi pháp giới; vì do không trụ, nó cũng không tới, không lui, không nắm, không bỏ, cũng không có việc làm gì đối với người khác, là do trụ nơi không trụ, nên gọi là Kê-la cú.

Mạn-thù-thi-lợi! Thọ là Tịch tĩnh cú.

Mạn-thù-thi-lợi hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Do đâu gọi là Tịch tĩnh cú?

Phật đáp:

–Này Mạn-thù-thi-lợi! Bản tánh các thọ là vắng lặng, không trong, không ngoài, không phương Đông, không phương Tây, không phương Nam, không phương Bắc, không trên, không dưới, không trong mười phương.

Mạn-thù-thi-lợi! Nếu ưa thọ ở bên trong, chúng sinh chỉ hưởng về ưa. Mạn-thù-thi-lợi! Nếu khổ thọ ở bên trong, chúng sinh chỉ hưởng về khổ. Mạn-thù-thi-lợi! Nếu không khổ, không ưa thọ ở bên trong, chúng sinh chỉ hưởng về si. Mạn-thù-thi-lợi! Thế nên, các thọ là không trong, không ngoài, không phương Đông, không phương Tây, không phương Nam, không phương Bắc, không trên, không dưới, không trong mười phương, có thể nắm bắt được. Do đó, các chúng sinh đều tựa như cỏ cây, cùng với tường vách, bản tánh không sinh, không diệt; nên gọi là Tịch tĩnh cú.

Mạn-thù-thi-lợi! Tướng là Chủng tử cú.

Mạn-thù-thi-lợi hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Do đâu gọi là Chủng tử cú?

Phật đáp:

–Này Mạn-thù-thi-lợi! Phân biệt ý tưởng mà khởi lên, là sinh ra không như thật, tướng không quyền tự như tự tướng của đóm lửa sáng, bản tánh là xa lìa; nên gọi là Chủng tử cú. Mạn-thù-thi-lợi! Hành là Chủng tử cú.

Mạn-thù-thi-lợi hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Do đâu gọi là Chủng tử cú?

Phật đáp:

–Này Mạn-thù-thi-lợi! Những ý tưởng không chánh đáng, sinh ra nơi hành động,

các số đã xa lìa, vô số vượt hẳn số, khác nào như lõi cây chuối. Mạn-thù-thi-lợi! Như lõi cây chuối, cuối cùng tự nó không. Đó là do không thể nắm bắt, bản tánh không sinh. Thật đúng như vậy, này Mạn-thù-thi-lợi! Bản tánh các pháp tự xa lìa tên, do đã xa lìa, nên gọi là Chủng tử cú. Mạn-thù-thi-lợi! Thức là Chủng tử cú.

Mạn-thù-thi-lợi hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Do đâu gọi là Chủng tử cú?

Phật đáp:

–Này Mạn-thù-thi-lợi! Thức như tướng huyễn không sinh, không xuất, không, không tướng, không tự tánh, không đáng vẻ; giống như hư không, dùng năm ngón tay vẽ lên đó vậy; nên gọi là Chủng tử cú. Mạn-thù-thi-lợi! Sắc là Chủng tử cú.

Mạn-thù-thi-lợi hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Do đâu gọi là Chủng tử cú?

Phật đáp:

–Này Mạn-thù-thi-lợi! Vì do không sinh các sắc. Mạn-thù-thi-lợi! Như ảnh, tuy thấy nhưng lại không. Đúng vậy, Mạn-thù-thi-lợi! Các sắc tuy thấy, nhưng lại không có; chỉ có con mắt mê hoặc, tâm mê hoặc, sự giả dối và pháp không thật, nên gọi là Chủng tử cú. Mạn-thù-thi-lợi! Thanh là Chủng tử cú.

Mạn-thù-thi-lợi hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Do đâu gọi là Chủng tử cú?

Phật đáp:

–Này Mạn-thù-thi-lợi! Các pháp không có mọi tướng. Mạn-thù-thi-lợi! Các thanh không hai, nói năng giống như tiếng vang nơi núi, nên gọi là Chủng tử cú. Mạn-thù-thi-lợi! Hương là Chủng tử cú.

Mạn-thù-thi-lợi hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Do đâu gọi đó là Chủng tử cú?

Phật đáp:

–Này Mạn-thù-thi-lợi! các pháp không hôi thối, bản tánh chậm lụt đồng như hư không, cái hương mà mũi ngửi hôi thúi, không thể nắm bắt; nên gọi là Chủng tử cú. Mạn-thù-thi-lợi! Vị là Chủng tử cú.

Mạn-thù-thi-lợi hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Do đâu gọi là Chủng tử cú?

Phật đáp:

–Này Mạn-thù-thi-lợi! Phạm vi của mùi vị là không thể suy nghĩ, mùi vị không thể nhận thức, xa lìa nơi thức, xưa nay tự tánh vốn xa lìa; nên gọi đó là Chủng tử cú. Mạn-thù-thi-lợi! Xúc là Chủng tử cú.

Mạn-thù-thi-lợi hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Do đâu gọi là Chủng tử cú?

Phật đáp:

–Này Mạn-thù-thi-lợi! Các pháp không thể đắm xúc, như hư không xa lìa, khéo hoại thân, xúc không khởi tác, xúc tự xa lìa; nên gọi đây là Chủng tử cú. Mạn-thù-thi-lợi! Pháp là Chủng tử cú.

Mạn-thù-thi-lợi hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Do đâu gọi là Chủng tử cú?

Phật đáp:

–Này Mạn-thù-thi-lợi! Các pháp không tâm, lìa tâm, tự tánh không thành, lìa

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

danh, lìa tướng, như bản tánh của pháp giới vậy; nên gọi là Chủng tử cú. Mạn-thù-thi-lợi! Đất là Chủng tử cú.

Mạn-thù-thi-lợi hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Do đâu gọi là Chủng tử cú?

Phật đáp:

–Này Mạn-thù-thi-lợi! Các pháp không cứng, không mềm, nhưng do giả đối hòa hợp mà người cho là cứng; nên gọi là Chủng tử cú. Mạn-thù-thi-lợi! Nước là Chủng tử cú.

Mạn-thù-thi-lợi hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Do đâu gọi là Chủng tử cú?

Phật đáp:

–Này Mạn-thù-thi-lợi! Các pháp không ẩm ướt, không tạt, không như bản như màn ánh sáng của lửa, nên gọi đó là Chủng tử cú. Mạn-thù-thi-lợi! Hỏa là Chủng tử cú.

Mạn-thù-thi-lợi hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Do đâu gọi là Chủng tử cú?

Phật đáp:

–Này Mạn-thù-thi-lợi! Các pháp không ấm, không nóng, nó vốn lìa bỏ, tự tánh vắng lặng, không thật, không sinh, do điên đảo phân biệt, nên gọi đó là Chủng tử cú. Mạn-thù-thi-lợi! Gió là Chủng tử cú.

Mạn-thù-thi-lợi hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Do đâu gọi là Chủng tử cú?

Phật đáp:

–Này Mạn-thù-thi-lợi! Các pháp không dính mắc, không ngại, không đi vội, không tự tánh, luồng gió đi qua không lay động, nên gọi là Chủng tử cú. Mạn-thù-thi-lợi! Phật là Chủng tử cú.

Mạn-thù-thi-lợi hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Do đâu gọi là Chủng tử cú?

Phật đáp:

–Này Mạn-thù-thi-lợi! Các pháp không tác giác, không giác, không tùy thuận giác, không đẳng giác, do giác lìa, nên gọi là Chủng tử cú. Mạn-thù-thi-lợi! Pháp là Chủng tử cú.

Mạn-thù-thi-lợi hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Do đâu gọi là Chủng tử cú?

Phật đáp:

–Này Mạn-thù-thi-lợi! Các pháp không đoạn, không phá, lìa đoạn lìa phá, không danh, không tướng, lìa danh, lìa tướng; cũng không tự tánh; chỉ do lời nói ra mà thôi, nên gọi là Chủng tử cú. Mạn-thù-thi-lợi! Tăng là Kê-la cú.

Mạn-thù-thi-lợi hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Do đâu gọi là Kê-la cú?

Phật đáp:

–Này Mạn-thù-thi-lợi! Như ngăn mé của pháp giới, không trụ vào chúng Thánh; trì giới, phá giới: Bình đẳng; định loạn: Bình đẳng; trí với không trí: Bình đẳng; giải thoát với phiền não: Bình đẳng, không có sự an trụ nơi các pháp, không thể nắm bắt được xứ hay phi xứ, nên gọi là Kê-la cú. Mạn-thù-thi-lợi! Cảnh giới của các pháp là Kê-la cú.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Mạn-thù-thi-lợi hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Do đâu gọi đó là Kê-la cú?

Phật đáp:

–Này Mạn-thù-thi-lợi! Các pháp như cảnh giới của hư không, không thể suy nghĩ về cảnh giới, các cảnh giới ấy hoàn toàn không có các sự vật, trong ấy hư không cũng đoạn, không thể đạt được, nên gọi là Kê-la cú. Mạn-thù-thi-lợi! Các pháp không theo duyên là Kê-la cú.

Mạn-thù-thi-lợi hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Do đâu gọi đó là Kê-la cú?

–Này Mạn-thù-thi-lợi! Các pháp không nơi chốn, không chỗ dựa, nên gọi là Kê-la cú. Mạn-thù-thi-lợi! Các pháp không phá là Kê-la cú.

Mạn-thù-thi-lợi hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Do đâu gọi là Kê-la cú?

Phật đáp:

–Này Mạn-thù-thi-lợi! Các pháp không thể thấy, do không sắc, không thể thấy, nên không thể cắt đứt, không thể phá, không thể nắm bắt, không thể dính mắc, không thể giải thoát, nên gọi là Kê-la cú. Mạn-thù-thi-lợi! Các pháp không nắm giữ, không buông bỏ là Kê-la cú.

Mạn-thù-thi-lợi hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Do đâu gọi đó là Kê-la cú?

Phật đáp:

–Này Mạn-thù-thi-lợi! Các pháp cùng về, giống như cùng hợp với pháp giới. Nó không phát khởi nắm giữ, cũng không buông bỏ, không cầu, không mong, các sự mong cầu đã cắt đứt, bản tánh vắng lặng giống như hư không; nên gọi là Kê-la cú. Mạn-thù-thi-lợi! Các pháp không lỗi là Kê-la cú.

Mạn-thù-thi-lợi hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Do đâu gọi là Kê-la cú?

Phật đáp:

–Này Mạn-thù-thi-lợi! Các pháp không bẩn, cũng không có được, trong sạch và tỏa sáng, hết sức trong sạch, trong sạch như hư không, tội đã không thể nắm bắt được do đó không có lỗi, nên gọi là Kê-la cú. Mạn-thù-thi-lợi! Các pháp không chỗ ở là Kê-la cú.

Mạn-thù-thi-lợi hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Do đâu gọi là Kê-la cú?

Phật đáp:

–Này Mạn-thù-thi-lợi! Các pháp không việc gì, vắng lặng, không giữ gìn, nên gọi là Kê-la cú. Mạn-thù-thi-lợi! Các pháp không học là Kê-la cú.

Mạn-thù-thi-lợi hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Do đâu gọi là Kê-la cú?

Phật đáp:

–Này Mạn-thù-thi-lợi! Các pháp không học, nó không chịu học, không chịu tu, không chịu nghĩ, không chịu nhớ, không chịu ở, không chịu phát, không chịu hành, không chịu cắt đứt, không chịu chứng, không chịu nói, không chịu hiện rõ, không chịu cầu, không phơi bày tên, không sâu, không cạn, không sinh, không diệt, không sạch, chẳng phải không sạch, không phân biệt nói, không theo số đông nói, không theo duyên,

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

không ôm giữ, không cỡi, không vớt, không bỏ... Tại sao vậy? Mạn-thù-thi-lợi! Các pháp đã bỏ rất ráo, bản tánh không nắm giữ, thường là buông bỏ; nó chẳng phải hành động của trí, cũng chẳng phải hành động của vô trí, nên gọi là Kê-la cú.

